TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HOÀ** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023.
V/v: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 786/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2022 về tranh chấp: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2023 giữa:

* *Nguyên đơn:* Ông Lương Công A, sinh năm: 1972

Trú tại: Thôn B, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ B, sinh năm: 1974

Trú tại: Thôn V, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc, nguyên đơn ông Lương Công A trình bày*:** Ông và bà Nguyễn Thị Lệ B đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã P, thị xã N. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và tài chính, bà B thiếu trách nhiệm với gia đình, chồng con; các bên đã không còn tiếng nói chung trong mối quan hệ vợ chồng. Hiện nay ông A, bà B không còn sống chung, tình cảm không còn, vì vậy ông A đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là các cháu Lương Trịnh Ngọc N1, sinh ngày 19/3/2001 và Lương Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 14/5/2003. Các cháu đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà sau khi thụ lý vụ án đã triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Toà án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có mặt nguyên đơn ông Lương Công A còn bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Vì vậy, Toà án không thể lấy ý kiến cũng như tiến hành hoà giải cho các đương sự theo thủ tục được.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Lương Công A cho ông A được ly hôn với bà B.

+ Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Ông A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn V, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn ông Lương Công A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của ông A và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Lương Công A và bà Nguyễn Thị Lệ B tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 23/12/1999 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung

sống giữa các bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kình cãi do bất đồng quan điểm sống và tài chính. Hơn nữa bà B thiếu trách nhiệm với gia đình, chồng con. Đến nay ông bà đã không còn chung sống**.** Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cho bà B, tuy nhiên không nhận được bất kì ý kiến gì của bà B điều này chứng tỏ bà B không quan tâm, không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì thế có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hôn nhân giữa ông Lương Công A và bà Nguyễn Thị Lệ B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Ông Lương Công A và bà Nguyễn Thị Lệ B có hai con chung là các cháu Lương Trịnh Ngọc N1, sinh ngày 19/3/2001 và Lương Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 14/5/2003. Hai cháu đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Công A.

- Về hôn nhân: Ông Lương Công A được ly hôn bà Nguyễn Thị Lệ B.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lương Công A không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Lương Công A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ *(Ba*

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005368 ngày 09/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông Lương Công A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh Huyền